TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:72/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/02/2025.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 556/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1996,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị N ủy quyền giao, nhận văn bản, trình bày ý kiến về nuôi con chung: Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà A, đường T, khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Lê Công S,** sinh năm 1994,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Bà **Phạm Thị Y**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị N, anh S, bà L và bà Y vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Công S tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 13/01/2014. Sau khi kết hôn chị và anh S chung sống cùng nhau tại nhà chồng có địa chỉ thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chăm sóc con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đầu năm 2022 chị và anh S cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan với mong muốn vợ chồng đi cùng nhau để phát triển kinh tế gia đình cũng như vợ chồng ở gần nhau để bảo ban nhau làm ăn, gần gũi tình cảm. Tuy nhiên khi sang Đài Loan lao động thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, anh S vẫn thường xuyên đánh chị và còn phát sinh quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác về nhà hắt hủi chị. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, áp lực và mệt mỏi nên chị đã chuyển ra ngoài ở riêng và sống ly thân với anh S. Đến nay chị xác định mâu thuẫn với anh S đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Công S để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và S có 02 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 01/07/2014 và Lê Công Tuấn A1, sinh ngày 20/12/2017. Hiện cả hai con chung đang sinh sống, học tập, ở ổn định cùng với anh S và bà nội là bà Phạm Thị Y tại địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn chị đề nghị để chị được nuôi dưỡng con chung Lê Thị Vân A, trong thời gian chị ở nước ngoài, đề nghị giao cho mẹ đẻ chị là bà Vũ Thị L trông nom chăm sóc cho đến khi chị về nước; giao con Lê Công Tuấn A1 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh S ở nước ngoài, thì giao cho con cho mẹ đẻ anh S là bà Phạm Thị Y chăm sóc cho đến khi anh S về nước. Hai bên không phải cấp dưỡng tiên nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh S ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh S. Bà Phạm Thị Y (là mẹ đẻ của anh Lê Công S) trình bày: Hiện nay anh S và chị N đều đang lao động ở Đài Loan. Anh S vẫn thường xuyên liên lạc cho gia đình bà qua điện thoại, tuy nhiên bà không hỏi nên không biết địa chỉ cụ thể của anh S ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Về quan hệ hôn nhân: Cả anh S và chị N đều ở bên Đài Loan nên nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì bà không nắm rõ. Quá trình chung sống vợ chồng có lúc xảy ra cãi vã nhưng chỉ vì vấn đề nhỏ trong cuộc sống chứ không có gì nghiêm trọng. Bà cũng đã khuyên bảo chị N để gia đình đoàn tụ nhưng chị N chỉ nói chung chung là để chị xem xét. Anh S đã biết được chị N có đơn ly hôn gửi đến Tòa án, anh S không có quan điểm gì. Gia đình bà vẫn mong muốn gia đình được đoàn tụ để đảm bảo cuộc sống đầy đủ cho các con, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị. Gia đình bà vẫn sẽ cố gắng tiếp tục khuyên bảo, hòa giải để cho anh S và chị N đoàn tụ. Về con chung: Anh S và chị N có 02 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 01/07/2014 và Lê Công Tuấn A1, sinh ngày 20/12/2017, từ bé đến nay các cháu đều ở với gia đình bà. Trong trường hợp không hòa giải được mà bắt buộc phải ly hôn, chị N có quan điểm giao cả 2 cháu cho bà chăm sóc, quan điểm của bà là anh chị phải mỗi người nuôi 01 con cho có trách nhiệm với con cái, bà sẽ chỉ trợ giúp anh chị chăm sóc được một cháu trong thời gian anh chị ở nước ngoài. Bà nhất trí nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh S và cam kết thông báo lại cho anh S được biết.

Bà Bùi Thị L1 (là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N) trình bày: Trong quá trình chung sống, anh chị có nảy sinh mâu thuẫn. Trước khi làm đơn ly hôn, bà cũng đã nhiều lần khuyên giải, tuy nhiên đến nay chị N vẫn quyết định làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh S do đó việc ly hôn hay không là việc của vợ chồng anh chị quyết định. Về con chung, anh S và chị N có 02 con chung là cháu Lê Thị Vân A và Lê Công Tuấn A1, các cháu từ nhỏ đến nay vẫn sống cùng bà nội là bà Phạm Thị Y. Các cháu được gia đình chăm sóc, cho ăn học đầy đủ và khỏe mạnh. Trong trường hợp Tòa án đã cố gắng hòa giải cho chị N và anh S mà đoàn tụ không thành, nếu Tòa án phải giải quyết cho anh chị ly hôn và giao con cho chị N nuôi dưỡng thì bà sẵn sàng nhận chăm sóc con chung thay cho chị N đến khi chị N về nước. Bà xác định hoàn toàn có đủ khả năng điều kiện để chăm sóc cháu đầy đủ, đảm bảo sự phát triển tốt của cháu.

Quan điểm của con chung: Cháu Lê Thị Vân A, sinh ngày 01/07/2014 và Lê Công Tuấn A1, sinh ngày 20/12/2017 trình bày quan điểm là mong muốn bố mẹ hòa giải đoàn tụ vì các cháu không muốn bố mẹ ly hôn. Còn nếu trong trường hợp bố mẹ phải ly hôn thì các cháu không có quan điểm là ở với ai.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1 và bà Y vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc ly H1 anh Lê Công S; Giao cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Thị Vân A đến khi trưởng thành, trong thời gian chị N ở nước ngoài, tạm giao cháu Tuấn A1 cho bà Vũ Thị L thay chị nuôi dưỡng. Giao cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Công Tuấn A1 đến khi trưởng thành, trong thời gian anh S ở nước ngoài, tạm giao cháu Vân A cho bà Phạm Thị Y thay anh nuôi dưỡng. Anh S và chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Lê Công S. Chị N và anh S hiện nay đều đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh S tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình anh S cung cấp địa chỉ của anh S. Gia đình anh S xác định anh S đang ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ anh S cho Toà án. Tuy nhiên, gia đình anh S chấp nhận nhận văn bản tố tụng của Toà án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho anh S được biết. Anh S không có văn bản gửi về cho Toà án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị N vắng mặt tại phiên toà và đề nghị xử vắng mặt; anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh S.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Công S tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 13/01/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh S chung sống cùng nhau tại nhà chồng có địa chỉ thôn V, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chăm sóc con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đầu năm 2022 chị N và anh S cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình cũng như vợ chồng ở gần nhau để bảo ban nhau làm ăn, gần gũi tình cảm. Tuy nhiên, tại Đài Loan mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, áp lực và mệt mỏi nên chị N đã chuyển ra ngoài ở riêng và sống ly thân với anh S. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn còn anh S không có quan điểm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh S theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị N và anh S có 02 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 01/07/2014 và Lê Công Tuấn A1, sinh ngày 20/12/2017 từ nhỏ đến nay đang ở cùng với bà nội là bà Phạm Thị Y. Tuy nhiên, đến hiện tại, bà Y xác định không có khả năng nuôi dưỡng thay anh chị cả 2 con chung, mà chỉ có thể trông nom chăm sóc 01 con, còn bà Vũ Thị L mà mẹ đẻ của chị N xác định có khả năng chăm sóc con thay cho chị N nếu chị được giao con. Xét nguyện vọng của chị N về việc nuôi con chung và hoàn cảnh điều kiện thực tế về nuôi dưỡng, thì cần chấp nhận đề nghị của chị N về nuôi con chung khi ly hôn, cụ thể Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Vân A, trong thời gian chị ở nước ngoài, giao cho bà Vũ Thị L trông nom chăm sóc cho đến khi chị về nước; giao con Lê Công Tuấn A1 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian anh S ở nước ngoài, thì giao cho con cho mẹ đẻ anh S là bà Phạm Thị Y chăm sóc cho đến khi anh S về nước. Hai bên không phải cấp dưỡng tiên nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Công S.

2. Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 01/07/2014 từ tháng 02/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị N ở nước ngoài, giao cháu Vân A cho bà Vũ Thị L thay chị nuôi dưỡng. Giao cho anh S trực nuôi dưỡng con chung là Lê Công Tuấn A1, sinh ngày 20/12/2017 từ tháng 02/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh S ở nước ngoài, giao cháu Tuấn A1 cho bà Phạm Thị Y thay anh nuôi dưỡng. Chị N và anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0005279 ngày 30/10/2024 (chị N đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Bà L, bà Y có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị N, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường